TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16 /2019/HSST
Ngày 07.3.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Đặng Ngọc Cường**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thế Quyết**. Nghề nghiệp: Giáo viên nghĩ hưu và ông **Lê Văn Cương**. Nghề nghiệp: Cán bộ. Nơi công tác: Quận đoàn Thanh Khê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hoàng Yên Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Quyên** - Chức vụ: *Kiểm sát viên.*

Ngày 07.3.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 29.01.2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 22.02.2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh T, tên gọi khác: không, sinh ngày 11.12.1992 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 5 phường C, quận C, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú tại tổ 06 phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Đ.

Có chồng là Phạm Văn C, sinh năm1988 và có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

* *Bị hại:* Bà Hứa Thị Xuân H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 127 đường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1988; Trú tại tổ 06 phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam trong một vụ án hình sự khác. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Vào khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 12.3.2018, Phạm Văn C chở Nguyễn Thị Thanh T và con gái đến chợ L để mua đồ. Khi đến chợ, T bồng con vào trước, khi ngang qua quầy hàng số lô 52.1, thấy không có người trông coi, T đi vào trong quầy lấy 01 túi xách đựng tiền và đi ra ngoài nói C chở nhanh về nhà. Khi về nhà, T kể chuyện lấy trộm đồ và cùng C kiểm tra số tài sản trong túi xách, phát hiện có 10.730.000đ, 102 Đôla Mỹ, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại trắng và một số giấy tờ tùy thân. Thấy số tiền và tài sản lớn, C nói T đem trả lại và bỏ đi uống cà phê. Lúc này, T không nghe lời C mà lấy 2.000.000đ tiêu xái cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bị hại là chị Hứa Thị Xuân H đã báo Công an phường T và đăng thông tin lên mạng xã hội. T biết mình không thể che dấu được hành vi trộm cắp nên đã liên lạc với chị H để trả lại tài sản. Trong quá trình liên lạc thì bị Công an phường mời về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê xác định tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 24.557.022 đồng.

* *Vật chứng*: Ngày 28/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã trả lại toàn bộ tài sản T trộm cắp cho bị hại.

* *Trách nhiệm dân sự:* Bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 29.01.2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i và s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự để tuyên bố bị cáo T phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại là bà Hứa Thị Xuân H vắng mặt nhưng trong hồ sơ vụ án có lời khai xác định việc bị cáo T trộm cắp tài sản vào ngày 12.3.2018 là có thật. Hiện nay, bà H đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án thể hiện lời khai như sau: Vào ngày 12.3.2018, ông chở vợ là Nguyễn Thị Thanh T và con gái đi chợ L để mua đồ. Việc trộm cắp tài sản của vợ ông hoàn toàn không biết và đến khi về nhà ông mới nghe vợ kể lại, ông C đã khuyên vợ đi trả lại nhưng vợ ông không nghe. Ông không sử dụng số tiền do trộm cắp mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Điều tra viên cũng như Kiểm sát viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật quy định. Các hành vi, quyết đinh tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố là hợp pháp được xem xét để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã khai nhận toàn bộ sự việc trộm cắp tài sản vào ngày 12.3.2018 tại chợ L, quận K, thành phố Đà Nẵng. Lời khai nhận đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 12.3.2018, bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc túi xách của chị Hứa Thị Xuân H, trong túi xách có các tài sản với tổng giá trị là 24.557.022đ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được rằng việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên bị cáo T đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút lấy cắp một số tài sản của chị Hứa Thị Xuân H rồi tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 24.557.022đ, bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi về hành vi của mình, bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng cách giao nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bị cáo đang còn nuôi con nhỏ (3 tuổi) trong khi chồng bị cáo là Phạm Văn C hiện đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án hình sự khác. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là lao động chính để nuôi dạy con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng và đây là vi phạm pháp luật lần đầu nên không cần thiết phải cách ly bị cáo mà áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao bị cáo về

địa phương nơi bị cáo cư trú để theo dõi, giám sát cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Trong vụ án này, ông Phạm Văn C là người chở bị cáo về nhà sau khi bị cáo thực hiện xong việc trộm cắp tài sản. Ông C không biết bị cáo trộm cắp tài sản và sau khi nghe kể lại ông C đã khuyên bị cáo trả lại tài sản cho bị hại nên ông C không có lỗi, cơ quan Công an không để cập xử lý là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

[5] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T **12 (Mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24 (Hai mươi bốn)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về UBND phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo tiếp tục chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến khi có Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. **Về án phí**: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 200.000đ.

Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Ng- ời bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND, Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- TAND, VKSND TP. Đà Nẵng
- Công an Q. Thanh Khê;
- L- u hồ sơ vụ án.